

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:41/2013/NQ-HĐND

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 7 năm 2013

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
KHOÁ VIII, NHIỆM KỲ 2011 - 2016, KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị quyết số 753/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02 tháng 4 năm 2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 524/2012/NQ-UBTVQH13, ngày 20 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17 tháng 8 năm 2011 của liên bộ Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 47/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 16 tháng 3 năm 2012 của liên bộ Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách Nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân;

Sau khi xem xét Tờ trình số 20/TTr-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2013 của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về việc Quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Hội đồng nhân dân thành phố giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa VIII, nhiệm kỳ 2011 - 2016, kỳ họp thứ 7, thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2013./.

CHỦ TỊCH

Trần Thọ

QUY ĐỊNH

**Một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của
Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 41/2013/NQ-HĐND ngày 11 / 7 /2013
của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố, bao gồm:

- Chi cho công tác thẩm tra dự thảo Nghị quyết;
- Chi lấy ý kiến tham gia dự án Luật;
- Chi cho công tác giám sát, khảo sát;
- Chi tiếp xúc cử tri theo chương trình tiếp xúc cử tri của Hội đồng nhân dân;
- Chi tiếp công dân và xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo;
- Chi xây dựng dự thảo Nghị quyết do Thường trực Hội đồng nhân dân trình; xây dựng chương trình, kế hoạch công tác nhiệm kỳ, hàng năm của Đảng đoàn HĐND, Thường trực HĐND và các Ban HĐND; báo cáo định kỳ của Thường trực HĐND, các Ban HĐND trình tại kỳ họp HĐND;
- Chi kỳ họp, Hội nghị, các phiên họp, cuộc họp của Đảng đoàn, Thường trực HĐND, các Ban HĐND;
- Chi hỗ trợ đại biểu Hội đồng nhân dân;
- Chi công tác xã hội;
- Chi hoạt động đặc thù khác.

2. Đối tượng áp dụng: Chế độ, định mức chi tiêu quy định tại Nghị quyết này được áp dụng đối với hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các cơ quan phục vụ trực tiếp hoạt động của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

Điều 2. Các chế độ khác đảm bảo cho hoạt động của HĐND các cấp không có trong quy định này được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước và thành phố hoặc được Thường trực HĐND duyệt cụ thể.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

- Kinh phí chi phục vụ hoạt động của HĐND được bố trí trong dự toán chi ngân sách, được HĐND cùng cấp phê duyệt và được ngân sách cấp đó đảm bảo.

- Việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí phục vụ hoạt động của HĐND được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật.

- Việc chi phục vụ cho đoàn công tác của Thường trực HĐND, các Ban HĐND và cá nhân các cơ quan khác cùng tham gia đoàn công tác do HĐND cấp triệu tập đảm bảo.

- Thường trực HĐND các cấp căn cứ dự toán giao hàng năm và tình hình hoạt động thực tế của HĐND cấp mình để quyết định mức chi cho phù hợp, nhưng không được vượt quá mức chi tại quy định này.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Chi cho công tác thẩm tra dự thảo Nghị quyết

1. Chi soạn thảo báo cáo thẩm tra:

a) Đối với các báo cáo thẩm tra về tình hình kinh tế - xã hội, ngân sách, kế hoạch đầu tư phát triển, các đề án, quy hoạch và thẩm tra về lĩnh vực tư pháp, mức chi như sau:

- Cấp thành phố: 500.000 đồng/báo cáo;
- Cấp xã: 200.000 đồng/báo cáo.

b) Đối với các báo cáo thông thường khác, mức chi như sau:

- Cấp thành phố: 300.000 đồng/báo cáo;
- Cấp xã: 100.000 đồng/báo cáo.

2. Chi cho cá nhân tham gia cuộc họp thẩm tra:

a) Chủ trì cuộc họp, mức chi như sau:

- Cấp thành phố: 150.000 đồng/người/buổi;
- Cấp xã: 70.000 đồng/người/buổi.

b) Các thành viên dự họp theo danh sách, mức chi như sau:

- Cấp thành phố: 100.000 đồng/người/buổi;
- Cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.

Điều 5. Chi lấy ý kiến tham gia các dự án luật

1. Chi cho các tổ chức, cá nhân đề nghiên cứu góp ý bằng văn bản:

Tùy theo nội dung và tính cấp thiết của chuyên đề, Thường trực HĐND ký hợp đồng với chuyên gia với mức chi như sau:

- Cấp thành phố: tối đa 2.000.000 đồng/bài;
- Cấp xã: tối đa 500.000 đồng/bài.

2. Chi họp góp ý:

a) Ý kiến tham luận bằng văn bản của thành viên tham dự:

- Cấp thành phố: 200.000 đồng/văn bản;
- Cấp xã: 50.000 đồng/văn bản.

b) Chi các cuộc họp: áp dụng theo chế độ chi họp thẩm tra quy định tại khoản 2 Điều 4 của Quy định này.

c) Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia, mức chi như sau:

- Cấp thành phố: 300.000 đồng/báo cáo/dự án.
- Cấp xã: 100.000 đồng/báo cáo/dự án.

Điều 6. Chi cho công tác giám sát, khảo sát

1. Chi cho Đoàn giám sát, khảo sát:

a) Chi xây dựng văn bản giám sát:

* Đối với hoạt động giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân:

- Chi xây dựng bộ hồ sơ giám sát (quyết định thành lập Đoàn giám sát, kế hoạch và đề cương giám sát) mức chi như sau:

- + Cấp thành phố: 1.000.000 đồng/bộ;
- + Cấp xã: 250.000 đồng/bộ.

- Chi xây dựng Thông báo kết luận giám sát tại cơ sở (nếu có), mức chi 200.000 đồng/báo cáo (đối với cấp thành phố);

- Chi xây dựng báo cáo chung của Đoàn giám sát, mức chi như sau:

- + Cấp thành phố: 1.000.000 đồng/báo cáo;
- + Cấp xã: 250.000 đồng/báo cáo.

* Đối với hoạt động giám sát của các Ban Hội đồng nhân dân thành phố:

- Chi xây dựng bộ hồ sơ giám sát (quyết định thành lập Đoàn giám sát, kế hoạch và đề cương giám sát) mức chi 600.000 đồng/bộ;

- Chi xây dựng Thông báo kết luận giám sát tại cơ sở (nếu có), mức chi 120.000 đồng/báo cáo;

- Chi xây dựng báo cáo chung của Đoàn giám sát, mức chi 600.000 đồng/báo cáo;

b) Chế độ chi cho hoạt động khảo sát:

Chế độ chi cho việc xây dựng các văn bản (nếu có) được áp dụng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. Riêng báo cáo kết quả khảo sát, mức chi như sau:

- Báo cáo hoạt động khảo sát của HĐND, Thường trực HĐND, mức chi như sau:

- + Cấp thành phố: 600.000 đồng/báo cáo
- + Cấp xã: 150.000 đồng/báo cáo.

- Báo cáo hoạt động khảo sát của các Ban HĐND thành phố, mức chi 400.000 đồng/báo cáo.

c) Chi cho thành viên tham gia Đoàn giám sát, khảo sát:

Trong thời gian thực hiện hoạt động giám sát, khảo sát, ngoài chế độ công tác phí theo quy định của pháp luật hiện hành, chế độ chi đối với thành viên tham gia Đoàn giám sát, khảo sát như sau:

- Trưởng đoàn:

- + Cấp thành phố: 100.000 đồng/người/buổi;
- + Cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.
- Thành viên tham gia Đoàn giám sát theo danh sách mời:
 - + Cấp thành phố: 80.000 đồng/người/buổi;
 - + Cấp xã: 40.000 đồng/người/buổi.
- Cán bộ, công chức, nhân viên phục vụ trực tiếp:
 - + Cấp thành phố: 70.000 đồng/người/buổi;
 - + Cấp xã: 30.000 đồng/người/buổi.
- Cán bộ, công chức phục vụ gián tiếp:
 - + Cấp thành phố: 40.000 đồng/người/buổi;
 - + Cấp xã: 20.000 đồng/người/buổi.

d) Chi các cuộc họp giám sát, khảo sát:

Chi các cuộc họp giám sát, khảo sát (ngoài thời gian hưởng theo quy định tại điểm c khoản này) thực hiện theo chế độ chi họp thẩm tra quy định tại khoản 2 Điều 4 của Quy định này.

e) Chế độ chi mời chuyên gia phục vụ hoạt động giám sát, khảo sát:

Tùy theo nội dung và tính cấp thiết của chuyên đề giám sát, khảo sát, Thường trực Hội đồng nhân dân, lãnh đạo các Ban HĐND thành phố (trên cơ sở có ý kiến thống nhất của Thường trực HĐND) ký hợp đồng với chuyên gia, mức chi:

- Cấp thành phố: tối đa 2.000.000 đồng/bài;
- Cấp xã: tối đa 500.000 đồng/bài.

2. Chi giám sát văn bản quy phạm pháp luật:

Mức chi áp dụng theo quy định hiện hành của Nhà nước về chi cho công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật.

3. Chế độ chi giám sát hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo:

- Chi xây dựng báo cáo giám sát giải quyết khiếu nại, tố cáo trình Thường trực HĐND thành phố, mức chi như sau:

- Cấp thành phố: 300.000 đồng/báo cáo;
- Cấp xã: 100.000 đồng/báo cáo.

- Chi đi xác minh, thu thập thông tin (ngoài công tác phí):

- Cấp thành phố: 50.000 đồng/người/buổi;
- Cấp xã: 30.000 đồng/người/buổi.

4. Chi cho hoạt động chất vấn, giải trình

a) Chi xây dựng bộ hồ sơ chất vấn (tổng hợp ý kiến chất vấn, kế hoạch chi tiết phiên giải trình) tại kỳ họp Hội đồng nhân dân, phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân, mức chi như sau:

- Cấp thành phố: 500.000 đồng/bộ.
- Cấp xã: 100.000 đồng/bộ.

b) Chi cho việc xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả giải trình:

- Cấp thành phố: 300.000 đồng/văn bản
- Cấp xã: 50.000 đồng/văn bản.

Điều 7. Chi tiếp xúc cử tri theo chương trình tiếp xúc cử tri của Hội đồng nhân dân

1. Chi hỗ trợ cho mỗi điểm tiếp xúc cử tri, mức chi như sau:

- Cấp thành phố: 2.000.000 đồng/điểm.
- Cấp xã: 400.000 đồng/điểm.

Trong trường hợp, có sự phối hợp tiếp xúc cử tri đại biểu Hội đồng nhân dân 02 cấp thì chỉ được thực hiện hỗ trợ của cấp cao nhất.

2. Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định pháp luật hiện hành, thực hiện hỗ trợ tiếp xúc cử tri với mức chi như sau:

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân, lãnh đạo các cấp không phải là đại biểu Hội đồng nhân dân (người làm công tác tổ chức; người có trách nhiệm trả lời các ý kiến, kiến nghị của cử tri):

- Cấp thành phố: 100.000 đồng/người/buổi;
- Cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.

b) Cán bộ, công chức, nhân viên phục vụ mức chi như sau:

- Cấp thành phố: 50.000 đồng/người/buổi;
- Cấp xã: 30.000 đồng/người/buổi.

3. Chi xây dựng báo cáo tổng hợp kiến nghị cử tri của các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, mức chi như sau:

- Cấp thành phố: 200.000 đồng/báo cáo.
- Cấp xã: 50.000 đồng/báo cáo.

4. Chi xây dựng báo cáo tổng hợp kiến nghị cử tri trình Hội đồng nhân dân, mức chi như sau:

- Cấp thành phố: 400.000 đồng/báo cáo.
- Cấp xã: 150.000 đồng/báo cáo.

Điều 8. Chi tiếp công dân và xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo

1. Chi tiếp công dân:

a) Trường hợp đại biểu HĐND tiếp công dân tại trụ sở tiếp công dân theo định kỳ, chế độ chi được quy định như sau:

- Đại biểu HĐND, đại diện lãnh đạo cơ quan liên quan được phân công tiếp công dân:

- + Cấp thành phố: 100.000 đồng/người/buổi;
- + Cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.

- Cán bộ, công chức phục vụ trực tiếp đại biểu HĐND tiếp công dân:

- + Cấp thành phố: 50.000 đồng/người/buổi;

+ Cấp xã: 30.000 đồng/người/buổi.

- Cán bộ, công chức phục vụ gián tiếp đại biểu HĐND tiếp công dân:

+ Cấp thành phố: 30.000 đồng/người/buổi;

+ Cấp xã: 20.000 đồng/người/buổi.

b) Trường hợp cán bộ, công chức tiếp công dân không có sự tham gia của đại biểu HĐND thì chế độ chi thực hiện theo quy định của pháp luật về chế độ chi đối với việc tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

2. Chi xây dựng báo cáo đề xuất giải quyết vụ khiếu nại, tố cáo trình hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền, mức chi cụ thể:

+ Cấp thành phố: 200.000 đồng/báo cáo.

+ Cấp xã: 50.000 đồng/báo cáo.

Điều 9. Chi xây dựng Nghị quyết do Thường trực HĐND trình; xây dựng chương trình, kế hoạch công tác nhiệm kỳ, hàng năm của Đảng đoàn HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND; báo cáo định kỳ của Thường trực HĐND, các ban HĐND trình tại kỳ họp HĐND.

1. Chi xây dựng Tờ trình và dự thảo Nghị quyết (văn bản QPPL) do Thường trực Hội đồng nhân dân trình tại kỳ họp Hội đồng nhân dân, mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 47/2012/TTLT-BTP-BTC của Liên Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính.

2. Chi cho việc rà soát nội dung, kỹ thuật, hoàn thiện Nghị quyết sau khi Hội đồng nhân dân thông qua, mức chi là 100.000 đồng/nghị quyết (cấp thành phố, cấp xã).

3. Chi xây dựng chương trình, kế hoạch, báo cáo công tác nhiệm kỳ của Đảng đoàn Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, mức chi như sau:

- Cấp thành phố: 500.000 đồng/báo cáo.

- Cấp xã: 200.000 đồng/báo cáo.

4. Chi xây dựng tờ trình, báo cáo hoạt động định kỳ của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân trình tại kỳ họp Hội đồng nhân dân, mức chi như sau:

- Cấp thành phố: 300.000 đồng/báo cáo.

- Cấp xã: 100.000 đồng/báo cáo.

Điều 10. Chi kỳ họp, Hội nghị, các phiên họp, cuộc họp của Đảng đoàn, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân.

1. Chế độ chi kỳ họp Hội đồng nhân dân:

a) Chủ trì kỳ họp, mức chi như sau:

- Cấp thành phố: 200.000 đồng/người/buổi;

- Cấp xã: 70.000 đồng/người/buổi.

b) Thư ký kỳ họp, mức chi như sau:

- Cấp thành phố: 150.000 đồng/người/buổi

- Cấp xã: 60.000 đồng/người/buổi

c) Đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu mời tham dự kỳ họp theo danh sách mời, mức chi như sau:

- Cấp thành phố: 100.000 đồng/người/buổi;

- Cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.

d) Cán bộ, công chức, nhân viên phục vụ, mức chi như sau:

- Cấp thành phố: 50.000 đồng/người/buổi;

- Cấp xã: 30.000 đồng/người/buổi.

2. Chế độ chi Hội nghị, các phiên họp, cuộc họp của Đảng đoàn Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân:

a) Chủ trì cuộc họp:

- Cấp thành phố: 150.000 đồng/người/buổi;

- Cấp xã: 70.000 đồng/người/buổi.

b) Thành viên dự họp:

- Cấp thành phố: 100.000 đồng/người/buổi;

- Cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.

Điều 11. Chi hỗ trợ đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Chi hỗ trợ đại biểu HĐND tự nghiên cứu tài liệu kỳ họp, mức chi:

- Cấp thành phố: 300.000 đồng/người/kỳ họp.

- Cấp xã: 100.000 đồng/người/kỳ họp

2. Mỗi nhiệm kỳ HĐND, đại biểu HĐND được cấp tiền may 01 bộ lễ phục với mức chi:

- Cấp thành phố: 5.000.000 đồng/người/nhiệm kỳ.

- Cấp xã: 2.000.000 đồng/người/nhiệm kỳ.

3. Đại biểu HĐND được hỗ trợ thông tin liên lạc, báo chí, phí khai thác internet theo mức khoán:

- Cấp thành phố: 500.000 đồng/người/tháng.

- Cấp xã: 150.000 đồng/người/tháng

4. Chế độ hỗ trợ cho đại biểu HĐND các cấp không hưởng lương từ ngân sách nhà nước:

a) Bảo hiểm y tế và chế độ mai táng: Đại biểu HĐND các cấp không hưởng lương từ ngân sách được cấp thẻ bảo hiểm y tế; khi qua đời nếu không tham gia bảo hiểm xã hội thì được hưởng chế độ mai táng bằng 10 tháng lương tối thiểu.

b) Hỗ trợ hoạt động đối với đại biểu HĐND các cấp đang làm việc tại các cơ sở sản xuất kinh doanh hoặc không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, mức chi như sau:

- Cấp thành phố: 1.000.000đồng/người/năm;

- Cấp xã: 300.000đồng/người/năm.

Điều 12. Chi công tác xã hội

Chi thăm hỏi khi ốm đau nằm viện, lễ tang cho đại biểu Hội đồng nhân dân, nguyên là Thường trực HĐND, lãnh đạo các Ban HĐND, mức chi như sau:

1. Thăm hỏi khi ốm đau nằm viện (không quá 02 lần/năm) đại biểu HĐND, nguyên là Thường trực HĐND, lãnh đạo các Ban HĐND:

- Cấp thành phố: 500.000 đồng/người/lần ;
- Cấp xã: 200.000 đồng/người/lần.

2. Trường hợp đại biểu HĐND bị bệnh hiểm nghèo (không quá 02 lần/năm):

- Cấp thành phố: 2.000.000 đồng/người/lần;
- Cấp xã: 500.000 đồng/người/lần.

3. Phúng điếu đại biểu Hội đồng nhân dân; nguyên là Thường trực HĐND, lãnh đạo các Ban HĐND; thân nhân (cha, mẹ, chồng hoặc vợ, con) đại biểu Hội đồng nhân dân từ trần:

- Cấp thành phố: 1.000.000 đồng/người;
- Cấp xã: 300.000 đồng/người.

Điều 13. Chi các hoạt động đặc thù khác

Giao Thường trực HĐND quyết định cụ thể về mức chi hỗ trợ cho đại biểu HĐND kiêm nhiệm các chức danh lãnh đạo các Ban HĐND thành phố; thành viên các Ban HĐND thành phố; tổ trưởng, tổ phó các tổ đại biểu; chi hỗ trợ sinh hoạt cho các tổ đại biểu HĐND; chi hỗ trợ hoạt động đối với cán bộ, công chức Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố (bộ phận giúp việc cho HĐND); chi tổ chức các đoàn đi tham quan, học tập, trao đổi kinh nghiệm; các khoản chi khác.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Hiệu lực thi hành

Các chế độ, định mức chi tiêu tại Quy định này được thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2013.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

Căn cứ vào chế độ, định mức chi tiêu tài chính hiện hành của nhà nước, của thành phố và các định mức chi tiêu tại Quy định này, Thường trực HĐND thành phố, UBND thành phố chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện để đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp./.

CHỦ TỊCH

Trần Thọ